

Nội dung bài viết

1. [Soạn Intonation - Tiếng Anh 12 Unit 16 Language Focus](#)
2. [Soạn Grammar - Tiếng Anh 12 Unit 16 Language Focus](#)

Unit 16: The Association of Southeast Asian Nations

Soạn Intonation - Tiếng Anh 12 Unit 16 Language Focus

The rising-falling tune

Practise reading these sentences with the rising-falling tone. Notice that prominent words are in capital letters

1. Do you live in a HOUSE or in a FLAT?
2. Is Jane a TEACHER or a STUDENT?
3. Would you like some TEA or COFFEE?
4. Is the baby a BOY or a GIRL?
5. Shall we go by BUS or by TRAIN?
6. Is today TUESDAY or WEDNESDAY?
7. Are you COMING or NOT?
8. Is your sister OLDER or YOUNGER than you?
9. Do you want to have lunch NOW or wait till LATER?
10. Did ITALY or BRAZIL win the World Cup?

Hướng dẫn dịch:

1. Bạn sống trong nhà hay ở chung cư?

2. Jane là giáo viên hay học sinh?
3. Bạn muốn trà hay cà phê?
4. Em bé là con trai hay con gái?
5. Chúng ta đi bằng xe buýt hay bằng xe lửa?
6. Hôm nay là thứ tư hay thứ năm ?
7. Bạn sẽ đến hay không?
8. Em gái của bạn già hơn hay trẻ hơn bạn?
9. Bạn có muốn ăn trưa ngay hay đợi đến sau đó không?
10. Ý hay Bra-zin đã giành chiến thắng World Cup?

Soạn Grammar - Tiếng Anh 12 Unit 16 Language Focus

Exercise 1. Complete each of the following sentences, using a suitable adverbial clause (*Hoàn thành mỗi câu sau, sử dụng mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian thích hợp ở trong khung. Sử dụng mỗi mệnh đề chỉ một lần.*)

Example:

_____ I'll invite her to our party.

When I see Mary tomorrow, I'll invite her to our party.

Gợi ý:

1. She'll phone you *as soon as she arrives in Ho Chi Minh City.*
2. *After the war was over, we started rebuilding the country.*
3. They met a lot of people *while they were on holiday.*
4. *Before you leave, don't forget to turn off the lights.*
5. I'll stay *till you get back.*
6. We'll come to see you *whenever we are in Hanoi.*

7. There is a danger of war *as long as imperialism exists*.

8. Tom sang a merry song *as he walked away*.

Exercise 2. Supply the correct tense form of the verbs in brackets. (*Cho dạng đúng của các động từ trong ngoặc.*)

Gợi ý:

1. arrives 2. arrives 3. are playing 4. got
5. have finished 6. had graduated 7. am 8. have read

Exercise 3. Combine two sentences, using one as an adverbial clause of time with the given conjunction. (*Nối hai câu, dùng một câu để làm mệnh đề chỉ thời gian liên từ đã cho sẵn.*)

Gợi ý:

1. Let's go out before it starts raining.
2. I'll give you my address when I have found somewhere to live.
3. After he had done his homework, he went to bed.
4. We'll let you know as soon as we have made our decision.
5. I haven't met them since I left school.
6. Robert suddenly began to feel ill while he was doing the examination.
7. Kate will come back home after she has finished the last semester.